

Bản án số 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-5-2020
V/v Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Phạm Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hạnh, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử số 4, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 03/2020/TLST- HNGĐ 09/01/2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 23/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh ngày 12/8/1978; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Hàn Quốc. Địa chỉ: 84, Seom-ro, Tongjin-eup, Gimpo-si, Gyeonggi-do. Korea; (vắng mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Chị Trần Thị K; sinh ngày 20/6/1978; địa chỉ: Thôn V, xã K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai, các văn bản bổ sung ý kiến, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị K kết hôn với nhau vào ngày 08/8/2000 tại Ủy ban nhân dân xã K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp nên thường xảy ra xích mích.

Hiện tại, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Khánh.

Tại Bản tự khai đề ngày 02/3/2020 và biên bản lấy lời khai đề ngày 02/3/2020, bị đơn chị Trần Thị K trình bày: Anh và chị kết hôn ngày 08.8.2000 tại UBND xã K. Cuộc sống vợ chồng bình thường, không có gì mâu thuẫn. Năm 2015, anh H đi lao động nước ngoài nhưng từ khi đi đến nay chưa về nước lần nào. Ban đầu còn điện thoại về nhà hỏi thăm vợ, con nhưng về sau rất ít khi gọi. Chị chỉ đồng ý ly hôn khi anh H có mặt tại phiên tòa xét xử. Anh H không được vắng mặt.

Về con chung: Anh H và chị K đều trình bày vợ chồng có 04 người con chung Trần Ngọc Nam, sinh ngày 27/7/2001; Trần Anh T, sinh ngày 10/02/2006; Trần Anh S, sinh ngày 16/4/2011; Trần Anh L, sinh ngày 28/5/2015. Cháu Ngọc N đã trưởng thành. Còn 3 cháu Anh T, Anh S, Anh L, anh H yêu cầu giao cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đ/tháng/1 con chung kể từ thời điểm ly hôn cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Chị Trần Thị K đồng ý trực tiếp, nuôi dưỡng các con chung nhưng chị yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ/1 con chung. Các cháu Trần Anh T; Trần Anh S; Trần Anh L đều trình bày có nguyện vọng được ở với cả bố và mẹ. Các cháu không đồng ý cho bố mẹ ly hôn nhau nên cháu không viết đơn nguyện vọng.

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn H, xử cho anh H được ly hôn với chị K. Giao các con chung Trần Anh T; Trần Anh S; Trần Anh L cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng/1 con chung. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Trần Văn H hiện đang lao động và cư trú tại nước ngoài (có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc), nên quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 28, Điều 37 Bộ luật TTDS năm 2015.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của nguyên đơn và bị đơn thì hai người đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 08.8.2000, tuy nhiên cả hai đương sự đều không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn với lý do đã bị mất. Ủy ban nhân dân xã K xác nhận anh Trần Văn H và chị Trần Thị K đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại ủy ban, tuy nhiên hồ sơ về thông tin hộ tịch liên quan đến việc đăng ký kết hôn (tờ khai và sổ lưu trữ kết hôn) không còn lưu trữ do hậu quả bão lũ năm 2013. Như vậy, mặc dù các bên không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn nhưng UBND- nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn và người đăng ký kết hôn đều thừa nhận. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Tại thời điểm kết hôn, cả hai đều đủ tuổi, được xác nhận đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định, hôn nhân giữa anh Trần Văn H và chị Trần Thị K là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của anh Trần Văn H và chị Trần Thị K thấy rằng:

Mặc dù anh H và chị K trình bày không thống nhất về thực trạng hôn nhân. Anh H cho rằng, năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp. Còn chị K cho rằng, vợ chồng không có gì mâu thuẫn. Năm 2015, anh H đi lao động nước ngoài. Thời gian đầu có liên lạc hỏi thăm vợ con nhưng về sau ít liên lạc. Anh H yêu cầu ly hôn vì không còn tình cảm, còn chị K chỉ đồng ý ly hôn khi anh H có mặt tại phiên tòa xét xử.

HĐXX thấy, tình cảm là tự nguyện, không thể gò bó, ép buộc. Chị K không mong muốn ly hôn tuy nhiên chị lại không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc chị yêu cầu anh H có mặt tại phiên tòa thì mới đồng ý ly hôn là không có cơ sở vì theo quy định tại Điều 227 bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có quyền được vắng mặt nếu có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Như vậy, thực tế tình trạng hôn nhân của anh H và chị K hiện tại là trầm trọng. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng không sống chung. Vợ, chồng không thương yêu, quan tâm, giúp đỡ nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Như vậy, mục đích hôn nhân không còn đạt được, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ *Thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình*” (Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình), một trong hai bên không còn tình cảm, không còn mong muốn duy trì quan hệ vợ chồng, vì vậy cần căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn nguyên đơn.

[2.2] Quan hệ con chung: Con chung Trần Ngọc N, sinh ngày 27/7/2001 đã trưởng thành nên không xem xét.

Các con chung Trần Anh T, sinh ngày 10/02/2006; Trần Anh S, sinh ngày 16/4/2011; Trần Anh L, sinh ngày 28/5/2015 đều có nguyện vọng được ở với bố mẹ, không mong muốn bố mẹ ly hôn. Đó là nguyện vọng chính đáng của các con chung. Tuy nhiên, trong trường hợp vợ chồng ly hôn thì cần xác định nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Xét điều kiện nuôi con của anh Trần Văn H và chị Trần Thị Kthấy rằng: Anh H hiện đang ở nước ngoài, không thể thực hiện nghĩa vụ trực tiếp nuôi con nên giao các con chung cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không trực tiếp nuôi con thì phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là đúng quy định pháp luật.

Về mức cấp dưỡng: Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*

Anh H yêu cầu mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/1 con chung . Chị K yêu cầu anh H cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng)/1 con chung kể từ thời điểm ly hôn đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Như vậy, anh H và chị K không thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con và do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì tùy vào từng trường hợp cụ thể, vào khả năng của mỗi bên mà quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho hợp lý. HĐXX xét thấy: Các cháu Trần Anh T, sinh ngày 10/02/2006; Trần Anh S, sinh ngày 16/4/2011; Trần Anh L, sinh ngày 28/5/2015 đang đi học tại xã K, huyện Kỳ Anh. Căn cứ mặt bằng chung tại địa bàn huyện Kỳ Anh thì mức cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo yêu cầu của chị K là khá cao. Mặt khác, điều kiện thực tế của anh H là lao động tự do ở nước ngoài cũng gặp nhiều khó khăn, nên mức cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 2.000.000đ/1 con chung là hợp lý.

Về phương thức cấp dưỡng : Nguyên đơn, bị đơn không trình bày phương thức cấp dưỡng, tuy nhiên căn cứ Điều 117 Luật HNGĐ năm 2014 quy định *“Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần. Các bên thỏa thuận phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*

Xét điều kiện của anh Trần Văn H hiện đang lao động tại nước ngoài, mỗi lần gửi tiền về có những khó khăn, để tạo điều kiện thuận lợi cho bên cấp dưỡng và

bên nhận cấp dưỡng nghĩ nên thực hiện phương thức cấp dưỡng 3 tháng một lần (3 tháng x 2.000.000đ/con chung = 6.000.000đ/1 con chung).

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

[2.4] Về án phí : Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn H Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn H được ly hôn với chị Trần Thị Khánh.

2. Về con chung: Giao các con chung Trần Anh T, sinh ngày 10/02/2006; Trần Anh S, sinh ngày 16/4/2011; Trần Anh L, sinh ngày 28/5/2015 cho chị Trần Thị Ktrực tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Văn H cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/tháng/1 con chung. (3 con chung là 6.000.000đ/tháng) kể từ thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản và thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo phương thức 3 tháng một lần (6.000.000đ/3 tháng/1 con chung).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, *(đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án)* hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với các khoản tiền phải nộp cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí : Anh Trần Văn H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0001779 ngày 09/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh) và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 01 tháng. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể

từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THA tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Dương sự;
- Lưu HS, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Đào

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thành

Bùi Văn Hồng

Nguyễn Thị Bích Đào

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THA tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc;
- Dương sự;
- Lưu HS, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đình Thông

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Thủy

Nguyễn Thị Nhuận

Bùi Đình Thông

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THA tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc;
- Dương sự;
- Lưu HS, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đình Thông

